TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **165**/2024/QĐST-HNGĐ	*Tp.Tuyên Quang, ngày 16 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 93/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Tổ dân phố 15, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Tổ dân phố 15, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Minh H và anh Nguyễn Mạnh H (Giấy chứng nhận kết hôn số 69 quyển số 01 ngày 01/11/2011 của Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Vân N, sinh ngày 01/8/2012 cho chị Nguyễn Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn; Giao con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/12/2019 cho anh Nguyễn Mạnh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Minh H và anh Nguyễn Mạnh H đều xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Minh H và anh Nguyễn Mạnh H đều xác định không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Minh H nhận chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền là 150.000 đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000918 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, trả lại chị Nguyễn Minh H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Nguyễn Mạnh H không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố T;
- THADS thành phố T;
- UBND xã T;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu.

Vương Thị Lan